TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ DẦU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 26-7-2022
"V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Vân Quỳnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Đào

Ông Nguyễn Văn Trọn

- ***Thư ký phiên tòa****:* Ông Lê Đình Văn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa****:* Bà Đặng Ngô Anh Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số 303/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2022 về "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị P, sinh năm: 1975. Địa chỉ: số 3/367, khu phố O, thị trấn D, huyện D, tỉnh TN. Tạm trú: Khu phố 2, thị trấn B, huyện H, tỉnh LA. "Vắng mặt".

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm: 1974. Địa chỉ: số 3/367, khu phố O, thị trấn D, huyện D, tỉnh TN "Vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02-3-2022 về việc xin ly hôn và qua các lần làm việc, nguyên đơn bà Nguyễn Thị P trình bày: Bà cùng chồng là ông Nguyễn Văn D chung sống vào năm 1998, trước đó có tìm hiểu khoảng 03 tháng, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức cưới. Ngày cưới gia đình chồng có cho bà nữ trang tất cả là 01 lượng vàng 24K, số nữ trang này không còn do vợ chồng đã bán để làm vốn làm ăn. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn D, huyện D vào ngày 01-12-2003.

Sau khi cưới vợ chồng sống chung với cha mẹ chồng tại thị trấn D được 06

năm. Sau đó, vợ chồng ra riêng cất nhà sàn ở cạnh bờ sông sông thuộc KP 3, thị trấn D. Đến năm 2008, vợ chồng mua 1400 m^2 đất có sẵn nhà chữ đinh trên đất, gần nhà cha mẹ chồng, sống cho đến khi vợ chồng ly thân vào Tết âm lịch năm 2022 cho đến nay.

Vợ chồng chung sống có 02 con chung gồm Nguyễn Thanh K, sinh ngày 03-11-1999 và Nguyễn Minh T, sinh ngày 04-7-2001. Hiện 02 cháu đang chung sống với bà tại nhà cha mẹ ruột bà ở thị trấn B, huyện H, tỉnh LA. Các con đều đã thành niên và có khả năng tự lao động, sinh sống được.

Vợ chồng chung có tài sản chung là đất và nhà như bà trình bày ở trên.

Về nợ chung: Không có.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2021 âm lịch thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do công việc làm ăn bà phải thuê nhà trọ tại thị xã A để mua bán lúa, bà có kêu chồng bà đi cùng nhưng chồng bà không đi. Bà đi có khi 01 tuần đến 02 tuần mới về nhà 01 lần. Khi bà về nhà chồng bà để nhà cửa bừa bộn không dọn dẹp bà cằn nhằn và vợ chồng cãi nhau; chồng bà đập hết đồ đạc trong nhà. Mặt khác, do chồng ghen tuông vô cớ, nên bà có nói với chồng là bà sẽ ly hôn, chồng bà hăm dọa giết bà và nói "Tôi không giết bà chết tôi là con chó". Sau khi bà gửi đơn ly hôn, vào ngày 30-4-2022, chồng bà có dùng kéo đâm bà phải nằm bệnh viện hết 7 ngày, bà hoảng loạn tinh thần 01 thời gian dài sau đó. Hiện tại, chồng bà vẫn năn nỉ bà về chung sống lại nhưng bà không chấp nhận.

Vì vậy, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với chồng bà.

Về con chung: Các con đã thành niên và có khả năng lao động được bà không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên bà không yêu cầu giải quyết.

Qua làm việc với bị đơn ông Nguyễn Văn D trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của bà P về vấn đề hôn nhân (vợ chồng chung sống có đăng ký kết hôn); về con chung, về tài sản chung và về nợ chung.

Đối với mâu thuẫn theo ông, ông thừa nhận có đánh vợ, chửi vợ do ông không đồng ý với việc vợ ông đi với một số người đàn ông khác. Vợ chồng hiện không còn ai quan tâm nhau, hôn nhân không thể kéo dài do cuộc sống gia đình không còn hạnh phúc. Nên ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của vợ ông.

Về con chung: 02 con đã thành niên và có khả năng lao động được nên ông không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu phát biểu:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng theo pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình: Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị P và ông

Nguyễn Văn D. Về con chung: Các con đã thành niên và có khả năng lao được nên không đặt ra giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Ông bà không có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị P và ông Nguyễn Văn D chung sống với nhau vào năm 1998, ông bà có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn D, huyện D vào ngày 01-12-2003, nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nay bà P có yêu cầu ly hôn, Tòa án thụ lý và giải quyết theo thủ tục chung.

Xét mâu thuẫn giữa ông bà thì thấy: Ông bà mâu thuẫn về vấn đề tình cảm, do không có sự tin tưởng lẫn nhau. Ông D còn hay chửi mắng, đánh đập bà P do nghi ngờ bà có người đàn ông khác ở bên ngoài. Từ Tết Nguyên đán năm 2022 ông bà ly thân cho đến nay, không ai có thiện chí hàn gắn gia đình, ông bà đều trình bày hôn nhân không còn hạnh phúc. Từ đó cho thấy, mâu thuẫn giữa ông bà đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà P và ông D là phù hợp với Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Ông bà có 02 con chung là cháu Nguyễn Thanh K, sinh ngày 03-11-1999 và cháu Nguyễn Minh T, sinh ngày 04-7-2001 đều đã thành niên và có khả năng lao động được, ông bà không có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông bà không có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết

[2.4] Về án phí: Bà P chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[3] Như vậy, toàn bộ đề xuất của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu là có căn cứ, Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về phí, lệ phí Tòa án:

1/. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị P và ông Nguyễn Văn D.

2/. Về con chung: 02 con chung của ông bà là cháu Nguyễn Thanh K, sinh ngày 03-11-1999 và cháu Nguyễn Minh T, sinh ngày 04-7-2001 đều đã thành niên và có khả năng lao động được, ông bà không có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

3/. Về tài sản chung và nợ chung: Ông bà không có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết

4/. Về án phí: Bà P chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu số 0024365 ngày 25-5-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu. Bà P đã nộp đủ án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- CC THADS huyện Gò Dầu;
- UBND thị trấn Gò Dầu;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Vân Quỳnh